

Bản án số: 391/2018/HS-PT
Ngày 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Huồn

2. Ông Nguyễn Duy Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 370/2018/TLPT-HS ngày 13/11/2018, đối với bị cáo Ksor Quang L, về tội “Cố ý gây thương tích”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Ksor Quang L, sinh ngày 17/6/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y B Mlô Ksor và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là H'Ch Byă, chưa có con; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2018, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Đường N, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Trần Đức Chí A, Lê Đức V và Trần Văn T, nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với bà Lê Thị L1 về chuyện tiền bạc nên Lê Minh T1 nảy sinh ý định thuê người khác gây thương tích cho bà L1. Vào đầu tháng 7/2016, T1 gọi Trần Đức Chí A, Lê Đức V, Ksor Quang L và Trần Văn T đến nhà của T1 và đặt vấn đề thuê L, T, V và Chí A đâm bà L1 với giá 40.000.000 đồng, thì tất cả đồng ý. T1 thỏa thuận là sau khi gây thương tích cho bà L1, thì T1 sẽ giao đủ số tiền trên cho L, T, V và Chí A. T1 đã nói quy luật đi lại hàng ngày của bà L1 cho L, T, V và Chí A biết, để cả bọn theo dõi, đi theo bà L1 đến địa điểm vắng người thì ra tay đâm gây thương tích cho bà L1. T1 giao xe mô tô biển số 47P6-71xx, hiệu Click màu đen và xe mô tô biển số 47B2-004.xx hiệu Ultimo màu xanh cùng 01 con dao thái lan, 01 gậy ba trắc cho L, T, V và Chí A để làm công cụ, phương tiện đi tìm và gây thương tích cho bà L1. T tự thuê phòng trọ trên đường Đ, phường A, thành phố B cho L, T, V và Chí A ở để đi đâm bà L1.

Sau khi nhận hợp đồng đâm thuê, L, T, V và Chí A đã tự thỏa thuận với nhau nội dung sau khi T trả tiền thuê đâm bà L1 thì cả bọn sẽ chia đều số tiền trên, tức là mỗi người được 10.000.000 đồng. Sau đó, nhiều lần trong nhiều ngày liên tiếp, L, T, V và Chí A chở nhau đi tìm bà L1 để đâm nhưng không thấy bà L1, nên T1 đã nhiều lần xuống phòng trọ thúc giục và chỉ đạo việc đi tìm đâm bà L1. Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 07/7/2016, T1, L, T, V và Chí A nhậu tại phòng trọ của gia đình T trên đường Đ, phường T, thành phố B, đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, T1 chỉ đạo L, T, V và Chí A đi tìm bà L1 để đâm, thì tất cả đồng ý. Lúc này, L lấy con dao thái lan trong cốp xe đưa cho Chí A cầm, còn L cầm gậy ba trắc, sau đó V điều khiển xe mô tô biển số 47B2-004.xx chở Chí A, còn T điều khiển xe 47P6-71xx chở L đến quán cà phê TB tìm bà L1 để đâm. Khi đến nơi cả bọn chở nhau chạy xung quanh khu vực quán cà phê để tìm bà L1, nhưng không thấy nên cùng nhau đứng trước quán phục bà L1 đi ra để đâm. Cả bọn đứng phục một lúc nhưng không thấy bà L1, sau đó cả bọn chở nhau đi trên một số con đường để tìm bà L1 nhưng vẫn không thấy nên chở nhau về phòng trọ của gia đình T, báo cho kết quả cho T1 biết. Tất cả ngồi nhậu tiếp đến khoảng 21 giờ cùng ngày, thì T1 tiếp tục chỉ đạo V và Chí A đi tìm bà L1 vì sắp đến giờ bà L1 đi làm về, thì V và Chí A đồng ý, còn T và L ngồi nhậu với T1 chờ kết quả. V điều khiển xe mô tô biển số 47B2-004.xx chở Chí A mang theo dao thái lan đi tìm bà L1, khi đến hẻm 59 H, phường TA, thành phố B (lối vào nhà bà L1), Chí A mang theo dao thái lan đến đứng trên vỉa hè gần thùng rác (đối diện hẻm 59) để phục bà L1 đi ra để đâm. Khi thấy bà L1 điều khiển xe mô tô biển số 47B1-789.xx, nhãn hiệu Honda, loại AirBlade, màu đen trắng đi một mình từ trong hẻm 59 đi ra, thì V dùng điện thoại cho T1 hỏi đặc điểm xe mô tô mà bà L1 sử dụng. Sau khi được T1 thông báo đặc điểm, biển số xe của bà L1 như trên, thì V xác định chính là bà L1 nên nói cho Chí

A biết và điều khiển xe mô tô chở Chí A mang theo dao thái lan đuổi theo bà L1. Trên đường đi, V nói với Chí A là khi nào V điều khiển xe mô tô áp sát xe của bà L1 thì Chí A ra tay đâm bà L1 và Chí A đồng ý. Khi đến cầu, đường C, phường TA, thành phố B, V tăng tốc ép sát bên trái xe mô tô của bà L1, khi hai xe mô tô song song với nhau và cách nhau khoảng 50cm thì Chí A dùng tay phải cầm dao theo chiều nghịch, đâm 01 nhát hướng từ trên xuống trúng cẳng tay trái của bà L1. Bà L1 dừng xe lại hô “Cướp! Cướp!”. V hỏi Chí A đâm trúng bà L1 chưa, thì Chí A trả lời “Đâm trúng rồi” nên V chở Chí A về lại nhà trọ của gia đình T. Tại đây, Chí A nói cho T1, T và L biết là đã đâm trúng tay của bà L1 rồi giờ dao thái lan dính đầy máu và mỡ người cho cả bọn xem rồi nói “Đâm trúng tay lút cán luôn”, T1 nói “xong việc rồi thì đem vứt dao rồi quay lại nhậu tiếp”. Chí A đem dao gây án ra ném sau nhà T rồi nhậu tiếp một lúc rồi về phòng trọ ngủ. Bà L1 sau khi bị đâm thì được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đ. Sau khi gây án, T1 bỏ trốn và chưa trả tiền thuê đâm bà L1 cho T, L, V và Chí A như đã thỏa thuận.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 997/PY-TgT ngày 07/9/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Bà Lê Thị L1 bị vết thương cánh tay trái, tổn thương hoàn toàn thần kinh quay, tỷ lệ thương tích 45%. Vật gây thương tích sắc, nhọn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Ksor Quang L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Ksor Quang L** 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 30/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Lê Đức V, Trần Đức Chí A và Trần Văn T, về bồi thường thiệt hại, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, sau khi gây án đối tượng Lê Minh T1 đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2018 bị cáo Ksor Quang L có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ksor Quang L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó kháng cáo của bị xin giảm nhẹ là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt, xử phạt bị cáo Ksor Quang L 05 năm tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Ksor Quang L tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Do được đối tượng Lê Minh T1 thuê đâm bà Lê Thị L1 nhằm gây thương tích với giá 40.000.000 đồng, thì bị cáo Ksor Quang L và các bị cáo Trần Đức Chí A, Lê Đức V và Trần Văn T, đã đồng ý và đã nhiều lần đi tìm bà Lê Thị L1 để gây thương tích, nhưng chưa tìm được bà L1. Vào tối ngày 07/7/2016, bị cáo Ksor Quang L và đồng bọn tiếp tục đi tìm bà L1 để gây thương tích nhưng không gặp nên về phòng trọ của T tiếp tục nhậu, đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi Lê Minh T1 tiếp tục chỉ đạo, thúc giục đi tìm bà L1, thì Trần Đức Chí A và Lê Đức V đã dùng xe mô tô, mang theo dao thái lan đi tìm bà L1, còn Trần Văn T và Ksor Quang L ở nhà nhậu với T1 và chờ kết quả. Khi tìm gặp được bà L1, thì Lê Đức V đã điều khiển xe mô tô tăng tốc đi ép sát bên trái xe mô tô của bà L1 và Chí A dùng dao đâm trúng vào cẳng tay trái của bà L1, hậu quả làm cho bà Lê Thị L1 bị thương tích với tỷ lệ là 45%. Sau khi được đối tượng Lê Minh T1 thuê, thì bị cáo Ksor Quang L cùng với các bị cáo Trần Đức Chí A, Lê Đức V và Trần Văn T, đã bàn bạc, thống nhất việc gây thương tích cho bà L1, nên các bị cáo đã đồng phạm với nhau. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ksor Quang L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Ksor Quang L là nguy hiểm cho xã hội; mặc dù bị cáo không trực tiếp đâm gây thương tích cho bà L1, nhưng bị cáo đã nhiều lần trong nhiều ngày liên tiếp cùng các bị cáo khác đi tìm bà L1, là động lực để các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đồng phạm với các bị cáo trong vụ án, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã thực hiện. Xét mức hình phạt 05 năm tù mà bản án sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật có phần còn hạn chế. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp lý. Do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ksor Quang L là không có cơ sở chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp. Như vậy mới đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo được tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng: Khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ksor Quang L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 260/2018/HS-ST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, về hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Ksor Quang L 05 (năm) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 30/5/2018.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ksor Quang L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT CAT Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đ;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Cơ quan THAHS Tp.B;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình